

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2023/DS-PT.

Ngày 09 - 01- 2023.

V/v “Tranh chấp quyền về lối đi qua”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trường.

Các Thẩm phán: Ông Cao Văn Lạc.

Bà Đặng Thị Ánh Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Đức Hoài Mi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Trần Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 262/2022/TLPT - DS ngày 30 tháng 11 năm 2022 về việc: “*Tranh chấp quyền về lối đi qua*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 114/2022/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 307/2022/QĐ - PT ngày 06 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Nguyễn Hồng V, sinh năm 1949 (có đơn đề nghị Tòa xét xử vắng mặt).

2. Bà Lê Thị Kim B, sinh năm 1949 (vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Nguyễn Hồng V: Ông Lê Văn N – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh V (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Lê Thị Kim B: Ông Nguyễn Đức D – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh V (có mặt).

- Bị đơn:

1. Ông Trần Văn P, sinh năm 1958 (vắng mặt).

2. Bà Trần Thị Ú, sinh năm 1974 (vắng mặt).

3. Ông Trần Văn L, sinh năm 1962 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã Q, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Văn P, bà Trần Thị Ú và ông Trần Văn L là bà Đào Thị Hồng N1, sinh năm 1986. Địa chỉ: Số F, đường P, phường C, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (theo văn bản ủy quyền ngày 26/10/2022, có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Trần Văn P, bà Trần Thị Ú và ông Trần Văn L là: Ông Tô Vĩnh H – Luật sư của Công ty L1 - Đoàn Luật sư tỉnh V (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Lê Thị H1, sinh năm 1959 (vắng mặt).

2. Bà Nguyễn Thị B1, sinh năm 1932 (vắng mặt).

3. Bà Lê Thị Hồng H2, sinh năm 1964 (vắng mặt).

4. Chị Nguyễn Kim T, sinh năm 1973 (vắng mặt).

5. Chị Nguyễn Thủy T1, sinh năm 1974 (vắng mặt).

Người giám hộ cho chị Nguyễn Thủy T1 là ông Nguyễn Hồng V, sinh năm 1949 và bà Lê Thị Kim B, sinh năm 1949 (vắng mặt).

6. Anh Nguyễn Quốc T2, sinh năm 1976 (vắng mặt).

7. Chị Nguyễn Kim T3, sinh năm 1985 (vắng mặt).

8. Anh Nguyễn Quốc Trí T4, sinh năm 1988 (vắng mặt).

9. Anh Nguyễn Trần T5, sinh năm 2005 (vắng mặt).

Người đại diện theo pháp luật của anh Nguyễn Trần T5 là bà Trần Thị Ú, sinh năm 1974 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã Q, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

10. Ngân hàng TMCP phát triển thành phố H (H3)

Trụ sở: Số B B, đường N, phường B, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quốc T6, chức vụ: Tổng Giám Đốc (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Sơn Trần Hữu N2, chức vụ: Giám đốc. Phòng giao dịch huyện V (vắng mặt).

Địa chỉ: Số A, đường N, khóm B, thị trấn V, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

Người kháng cáo: Các bị đơn ông Trần Văn P, ông Trần Văn L và bà Trần Thị Út .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Tại đơn khởi kiện ngày 02/12/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Hồng V và bà Lê Thị Kim B trình bày:

Vợ chồng ông V, bà Kim B có phần đất thừa số 199, diện tích 6.889,3m² loại đất ở và cây lâu năm do ông V và bà Kim B đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Trên phần đất có căn nhà cấp 4 của gia đình ông, bà sinh sống gồm có: ông Nguyễn Hồng V, bà Lê Thị Kim B (vợ ông V) và các con là chị Nguyễn Kim T3, chị Nguyễn Thủy T1, anh Nguyễn Quốc T2, anh Nguyễn Quốc Trí T4, chị Nguyễn Kim T sống trên phần đất này từ trước năm 1990 đến nay. Đến năm 2000 gia đình ông V có qua bàn bạc với cha mẹ của bà Trần Thị Ú thì được gia đình cha, mẹ bà Ú đồng ý cho gia đình ông V đi nhờ lối đi qua 03 thửa đất là thửa 247 diện tích 5.790,8m² loại đất ở và đất trồng cây lâu năm do bà Trần Thị Ú đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, thửa 245 diện tích 2.493,9m² loại đất trồng cây lâu năm do ông Trần Văn P đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, thửa 244 diện tích 2.981,9m² loại đất ở và đất trồng cây lâu năm do ông Trần Văn L và bà Lê

Thị H1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Các thửa đất cùng tọa lạc tại ấp A, xã Q, huyện V, tỉnh Vĩnh Long. Sau khi được gia đình bà Ú đồng ý cho đi nhờ ông V đã bơm 19 ghe cát để lấp con mương của 03 thửa đất 247, 245, 244 có chiều ngang khoảng 4m chiều dài hết thửa đất khoảng 45m tạo thành lối đi ra cho gia đình ông V, khi đó bà Ú, ông L, ông P đã thống nhất không ý kiến phản đối. Đến đầu năm 2018 bà Ú kêu ông V phải dỡ bỏ cây cầu đúc và yêu cầu ông Vũ c chi phí để lấp con rạch nhằm thuận tiện cho gia đình ông ra vào và thuận tiện cho xe chở vật tư xây nhà bà Ú. Sau đó, ông đồng ý và bỏ tiền ra thuê xe chở cát vào lấp con rạch lại với số tiền là 35.000.000đ.

Đến ngày 18/3/2019 bà Ú yêu cầu ông phải di dời cột điện trên đất của bà, ông V có báo với điện lực huyện V khi nào nhân viên lên sẽ di dời. Từ đó bà Ú, ông L, ông P cùng nhau rào lại lối đi thành 03 đoạn trên ba thửa đất nói trên. Ông nhiều lần qua bàn bạc với bà Ú, ông L, ông P xin được tiếp tục đi nhờ và bồi thường thiệt hại các tài sản trên lối đi nhưng cả 3 gia đình trên không đồng ý cho đi. Theo ông Vũ n lối đi này ra gia đình ông không còn lối đi nào khác và từ khi bà Ú, ông L, ông P rào chắn lối đi thì gia đình ông gặp rất nhiều khó khăn trong việc đi khám bệnh cho vợ và con ông. Hiện tại gia đình ông muốn ra đường công cộng phải lội xuống con rạch mới có lối ra ngoài. Nay vợ chồng ông V yêu cầu như sau:

+ Yêu cầu bà Trần Thị Ú phải mở lối đi có chiều ngang 1,5m, chiều dài cạnh giáp rạch 49,95m, chiều dài cạnh giáp thửa 247 còn lại 49,76m diện tích 69,4m² thuộc một phần của thửa 247 diện tích chung 5.790,8m² loại đất ở và đất trồng cây lâu năm do bà Trần Thị Ú đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

+ Yêu cầu ông Trần Văn P phải mở lối đi có chiều ngang 1,5m, chiều dài cạnh giáp rạch 38,83m, chiều dài cạnh giáp thửa 245 còn lại 39,19m diện tích 56m² thuộc một phần của thửa 245 diện tích chung 2.493,9m² loại đất trồng cây lâu năm do ông Trần Văn P đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

+ Yêu cầu ông Trần Văn L và bà Lê Thị H1 phải mở lối đi có chiều ngang 1,5m, chiều dài cạnh giáp rạch 8,09m, chiều dài cạnh giáp thửa 244 còn lại 9,59m diện tích 11,4m² thuộc một phần của thửa 244 diện tích chung 2.981,9m² loại đất ở

và đất trồng cây lâu năm do ông Trần Văn L và bà Lê Thị H1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

Các thửa đất trên cùng tọa lạc tại ấp A, xã Q, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

Ngoài ra, ông V còn yêu cầu bà Trần Thị Ú, ông Trần Văn P, ông Trần Văn L phải tháo dỡ hàng rào tạm, gia đình ông V, bà Lê Thị Kim B và các con của ông V đồng ý bồi thường giá trị đất và cây trồng trên lối đi theo giá thị trường.

- *Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Trần Văn P trình bày:* Gia đình ông V đã đi nhờ trên phần đất của ông P, bà Ú và ông L nhiều năm đến năm 2019 gia đình ông P, bà Ú, ông L có làm hàng rào bằng tre, nhằm để bảo vệ tài sản của gia đình, nhưng không rõ lý do gì mà ông V làm đơn khởi kiện, đồng thời nhắn tin đe dọa. Nay đối với yêu cầu khởi kiện xin mở lối đi của ông V thì Ông P không đồng ý mở lối đi qua phần đất của ông tại thửa số 245, tờ bản đồ số 20, diện tích 2.493,9m² loại đất trồng cây lâu năm do ông Trần Văn P đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, ông P cũng không đồng ý bán phần đất ông V yêu cầu mở lối đi.

- *Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Trần Thị Ú trình bày:* Bà Ú không đồng ý mở lối đi qua phần đất của bà tại thửa số 247, tờ bản đồ số 20, diện tích 5.790,8m² loại đất ở và đất trồng cây lâu năm do bà Trần Thị Ú đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, bà Ú cũng không đồng ý bán phần đất ông V yêu cầu mở lối đi.

- *Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Trần Văn L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị H1 trình bày:* Ông L và bà H1 không đồng ý mở lối đi qua phần đất của gia đình ông bà tại thửa số 244, tờ bản đồ số 20, diện tích 2.981,9m² loại đất ở và đất trồng cây lâu năm do ông Trần Văn L và bà Lê Thị H1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, ông bà cũng không đồng ý bán phần đất ông V yêu cầu mở lối đi.

- *Trong quá trình tham gia tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TMCP P (H4) do anh S Trần Hữu N2 làm đại diện trình bày:* Hiện nay phần lối đi đang tranh chấp giữa nguyên đơn ông Nguyễn Hồng V và bị đơn bà Trần Thị Ú ở thửa 247, tờ bản đồ số 20, diện tích 5.790,8 m² đang thế chấp vay vốn tại Ngân hàng TMCP P. Việc tranh chấp về lối đi giữa các đương sự không

ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của Ngân hàng nên Ngân hàng không có yêu cầu gì trong vụ kiện này.

- Anh Trí T4, chị Kim T, chị Kim T3 và anh Quốc T2 thống nhất theo ý kiến của ông Nguyễn Hồng V và bà Lê Thị Kim B trong vụ án này do ông Nguyễn Hồng V toàn quyền quyết định, anh chị không có ý kiến hay yêu cầu gì.

- Trong quá trình tham gia tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Hồng H2 trình bày: Bà thống nhất theo ý kiến của ông Nguyễn Hồng V trong vụ án này do ông Nguyễn Hồng V toàn quyền quyết định, bà không có ý kiến hay yêu cầu gì.

- Trong quá trình tham gia tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị B1, anh Nguyễn Trần T5 do bà Trần Thị Ú làm đại diện: Đã được Tòa án sơ thẩm triệu tập hợp lệ, tuy nhiên họ không tham gia phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm nên không có lời trình bày.

- Trước đây ông Trần Văn P có thể chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 245, tờ bản đồ số 20, diện tích 2.493,9m² để vay tiền tại Ngân hàng TMCP Đ nhưng hiện nay ông Trần Văn P đã trả xong nợ cho Ngân hàng nên Ngân hàng không có ý kiến gì trong vụ kiện này. Vì vậy, không đưa ngân hàng vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

- Chị Nguyễn Thủy T1 là con ông Nguyễn Hồng V và bà Lê Thị Kim Ba b bệnh bại não vào năm 03 tuổi cho đến nay và có hồ sơ bệnh án. Đồng thời, có sự xác nhận của trưởng ấp A và những hộ dân xung quanh cũng xác định chị Thủy T1 bị bệnh bại não từ nhỏ. Gia đình ông Nguyễn Hồng V thuộc diện khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương nên ông V không có điều kiện chở chị T1 đi giám định. Vì vậy, Tòa án không tiến hành giám định. Nhưng trong quá trình tố tụng thì chị T1 có ông V và bà Kim B làm đại diện nên quyền lợi của chị cũng được đảm bảo.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 114/2022/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

Áp dụng Điều 95, 171 Luật đất đai năm 2013; Điều 245, Điều 246, Điều 254 Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166, Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 3, điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26, Điều 27

Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. *Tuyên xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hồng V, bà Lê Thị Kim B.

1.1 Buộc bà Trần Thị Ú phải mở lối đi cho ông Nguyễn Hồng V, bà Lê Thị Kim B, chị Nguyễn Kim T3, anh Nguyễn Quốc T2, chị Nguyễn Thủy T1, anh Nguyễn Quốc Trí T4 và chị Nguyễn Kim T có chiều ngang 1,5m, chiều dài cạnh giáp rạch 49,95m, chiều dài cạnh giáp thửa 247 còn lại 49,76m diện tích $69,4m^2$ (theo các mốc a; b; c; 13; 7; 6; a) thuộc một phần của thửa 247 diện tích chung $5.790,8m^2$ loại đất ở và đất trồng cây lâu năm do bà Trần Thị Ú đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

1.2 Buộc ông Trần Văn P phải mở lối đi cho ông Nguyễn Hồng V, bà Lê Thị Kim B, chị Nguyễn Kim T3, anh Nguyễn Quốc T2, chị Nguyễn Thủy T1, anh Nguyễn Quốc Trí T4 và chị Nguyễn Kim T có chiều ngang 1,5m, chiều dài cạnh giáp rạch 38,83m, chiều dài cạnh giáp thửa 245 còn lại 39,19m diện tích $56m^2$ (theo các mốc a; b; c; 4; 3; 2; a) thuộc một phần của thửa 245 diện tích chung $2.493,9m^2$ loại đất trồng cây lâu năm do ông Trần Văn P đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

1.3 Buộc ông Trần Văn L và bà Lê Thị H1 phải mở lối đi cho ông Nguyễn Hồng V, bà Lê Thị Kim B, chị Nguyễn Kim T3, anh Nguyễn Quốc T2, chị Nguyễn Thủy T1, anh Nguyễn Quốc Trí T4 và chị Nguyễn Kim T có chiều ngang 1,5m, chiều dài cạnh giáp rạch 8,09m, chiều dài cạnh giáp thửa 244 còn lại 9,59m diện tích $11,4m^2$ (theo các mốc a; b; 7; 6; a) thuộc một phần của thửa 244 diện tích chung $2.981,9m^2$ loại đất ở và đất trồng cây lâu năm do ông Trần Văn L và bà Lê Thị H1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

Các thửa đất cùng tọa lạc tại ấp A, xã Q, huyện V, T.

Vị trí, kích thước, giáp cận của các phần đất theo trích đo bản đồ địa chính khu đất của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện V kèm theo bản án.

Các đương sự có trách nhiệm đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký quyền sử dụng hạn chế thửa đất theo quy định của Luật đất đai năm 2013.

1.4 Buộc bà Trần Thị Ú, ông Trần Văn P và ông Trần Văn L phải tháo dỡ hàng rào tạm trên phần đất mở lối đi.

1.5 Buộc ông Nguyễn Hồng V, bà Lê Thị Kim B, chị Nguyễn Kim T3, anh Nguyễn Quốc T2, anh Nguyễn Quốc Trí T4 và chị Nguyễn Kim T phải trả giá trị phần đất mở lối đi và giá trị cây trồng trên lối đi cho bà Trần Thị Ú số tiền là 8.748.000đ (Tám triệu bảy trăm bốn mươi tám nghìn đồng), trả cho ông Trần Văn P số tiền là 6.720.000đ (Sáu triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng) và trả cho ông Trần Văn L, bà Lê Thị H1 số tiền là 1.433.000đ (Một triệu bốn trăm ba mươi ba nghìn đồng). Ông Nguyễn Hồng V, bà Lê Thị Kim B, chị Nguyễn Kim T3, anh Nguyễn Quốc T2, anh Nguyễn Quốc Trí T4 và chị Nguyễn Kim T được quyền sở hữu cây trồng trên phần đất mở lối đi.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, về án phí, quyền và nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 24/10/2022 các bị đơn ông Trần Văn P, ông Trần Văn L và bà Trần Thị Ú kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xác minh đường đi trước đây của thửa đất này, nguyên đơn đã sử dụng đường nào để ra đường công cộng, khi nhận chuyển nhượng đất có thỏa thuận lối đi hay không và không chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn trong vụ án tranh chấp quyền về lối đi qua.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của các bị đơn ông Trần Văn P, ông Trần Văn L và bà Trần Thị Ú là bà Đào Thị Hồng N1 vẫn bảo lưu yêu cầu kháng cáo của các bị đơn.

Luật sư Tô Vĩnh H bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các bị đơn ông Trần Văn P, ông Trần Văn L và bà Trần Thị Ú đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ kháng cáo của các bị đơn. Sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ông Lê Văn N Trợ giúp viên pháp lý trợ giúp cho ông V đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của các bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ông Nguyễn Đức D Trợ giúp viên pháp lý trợ giúp cho bà Kim B đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của các bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, của những người tham gia tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến khi xét xử Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm; Các đương sự, Luật sư và Trợ giúp viên pháp lý có mặt thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung:

Xét thấy, Tòa cấp sơ thẩm đã đo đạc, khảo sát, xem xét thẩm định tại chỗ lối đi tranh chấp. Thể hiện vị trí mở lối đi tại thửa 244 của ông L, bà H1 có 01 cây trứng cá, tại thửa 247 của bà Ú có 02 cây dừa và đã định giá đất, cây trồng trên đất. Tại cấp phúc thẩm chị N1 và Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bị đơn yêu cầu đo đạc, khảo sát, xem xét thẩm định tại chỗ lại lối đi tranh chấp là không cần thiết.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của các bị đơn ông Trần Văn P, ông Trần Văn L và bà Trần Thị Út . Giữ nguyên bản án sơ thẩm. Về án phí phúc thẩm: Miễn toàn bộ tiền án phí phúc thẩm cho ông P và ông L vì là người cao tuổi có đơn xin miễn tiền án phí phúc thẩm. Buộc bà Ú nộp tiền án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của các đương sự; Căn cứ vào kết quả tranh luận và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục: Đơn kháng cáo của các bị đơn ông Trần Văn P, ông Trần Văn L và bà Trần Thị Ú đúng về hình thức, nội dung và còn trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

- Về nội dung:

[1] Xét thấy, thửa đất số 199, diện tích 6.889,3m² đất ONT-CLN hiện nay do ông Nguyễn Hồng V và bà Lê Thị Kim B đứng tên và quản lý, sử dụng bị vây bọc bởi các bất động sản liền kề và không có lối đi ra đường công cộng. Đối với lối đi nguyên đơn yêu cầu mở tại thửa 247 của bà Ú đứng tên, thửa 245 của ông P đứng

tên và thửa 244 của ông L, bà H1 đứng tên là thuận tiện nhất và ít gây thiệt hại nhất. Lối đi này đã được hình thành từ năm 1990. Năm 2000, phía nguyên đơn có thỏa thuận với gia đình các bị đơn để mở lối đi và được gia đình các bị đơn đồng ý nên phía nguyên đơn đã đầu tư bơm cát, san lấp để tôn tạo lối đi. Trong quá trình san lấp, tôn tạo lối đi thì gia đình các bị đơn đều biết và không ngăn cản việc san lấp, tôn tạo của phía nguyên đơn. Giữa các bên đã thỏa thuận về việc cho phía nguyên đơn lối đi ra đường công cộng cụ thể tại biên bản tiếp xúc ngày 19/8/2019 của chính quyền địa phương xã Q, huyện V với bà Trần Thị Ú (Bút lục 11) và biên bản hòa giải ngày 21/8/2019 (BL 12-13), bà Ú cho rằng ông V có hùn bơm cát để tôn tạo đường đi, bà biết rõ việc ông Vũ b1 cầu bê tông qua phần đất của bà vào 04 năm trước tuy nhiên bà vẫn đồng ý cho ông Vũ b1 cầu. Đến năm 2019, giữa nguyên đơn và bị đơn Trần Thị Ú phát sinh mâu thuẫn nên bà Ú rào đường lại không cho nguyên đơn đi. Qua xem xét hiện trạng sử dụng, quyền lợi của các đương sự, xác nhận của chính quyền địa phương (BL 30); qua quá trình khảo sát, đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án cấp sơ thẩm. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc các bị đơn mở lối đi cho nguyên đơn là có cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật. Nên Tòa cấp phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của các bị đơn ông Trần Văn P, ông Trần Văn L và bà Trần Thị Út .

[2] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phù hợp với nhận định trên nên được chấp nhận.

[3] Từ các nhận định trên: Hội đồng xét xử, không chấp nhận kháng cáo của các bị đơn ông Trần Văn P, ông Trần Văn L và bà Trần Thị Ú; chấp nhận lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 114/2022/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do giữ nguyên án sơ thẩm nên buộc người kháng cáo các bị đơn ông Trần Văn P, ông Trần Văn L và bà Trần Thị Ú phải chịu án phí theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, ông P và ông L là người cao tuổi có đơn xin miễn tiền án phí nên miễn toàn bộ tiền án phí phúc thẩm cho ông P và ông L.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị đơn ông Trần Văn P, ông Trần Văn L và bà Trần Thị Út . Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 114/2022/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện Vũng Liêm.

Áp dụng Điều 95, 171 Luật đất đai năm 2013; Điều 245, Điều 246, Điều 254 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 3, điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26, Điều 27 và Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hồng V, bà Lê Thị Kim B.

1.1 Buộc bà Trần Thị Ú phải mở lối đi cho ông Nguyễn Hồng V, bà Lê Thị Kim B, chị Nguyễn Kim T3, anh Nguyễn Quốc T2, chị Nguyễn Thủy T1, anh Nguyễn Quốc Trí T4 và chị Nguyễn Kim T có chiều ngang 1,5m, chiều dài cạnh giáp rạch 49,95m, chiều dài cạnh giáp thửa 247 còn lại 49,76m diện tích 69,4m² loại đất CLN (theo các mốc a; b; c; 13; 7; 6; a) thuộc một phần của thửa 247 diện tích chung 5.790,8m² loại đất ở và đất trồng cây lâu năm do bà Trần Thị Ú đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

1.2 Buộc ông Trần Văn P phải mở lối đi cho ông Nguyễn Hồng V, bà Lê Thị Kim B, chị Nguyễn Kim T3, anh Nguyễn Quốc T2, chị Nguyễn Thủy T1, anh Nguyễn Quốc Trí T4 và chị Nguyễn Kim T có chiều ngang 1,5m, chiều dài cạnh giáp rạch 38,83m, chiều dài cạnh giáp thửa 245 còn lại 39,19m diện tích 56m² loại đất CLN (theo các mốc a; b; c; 4; 3; 2; a) thuộc một phần của thửa 245 diện tích chung 2.493,9m² loại đất trồng cây lâu năm do ông Trần Văn P đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

1.3 Buộc ông Trần Văn L và bà Lê Thị H1 phải mở lối đi cho ông Nguyễn Hồng V, bà Lê Thị Kim B, chị Nguyễn Kim T3, anh Nguyễn Quốc T2, chị Nguyễn Thủy T1, anh Nguyễn Quốc Trí T4 và chị Nguyễn Kim T có chiều ngang 1,5m, chiều dài cạnh giáp rạch 8,09m, chiều dài cạnh giáp thửa 244 còn lại 9,59m diện tích 11,4m² loại đất CLN (theo các mốc a; b; 7; 6; a) thuộc một phần của thửa 244 diện tích chung 2.981,9m² loại đất ở và đất trồng cây lâu năm do

ông Trần Văn L và bà Lê Thị H1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

Các thửa đất cùng tọa lạc tại ấp A, xã Q, huyện V, T.

Vị trí, kích thước, giáp cận của các phần đất theo trích đo bản đồ địa chính khu đất của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện V kèm theo bản án.

Các đương sự có trách nhiệm đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký quyền sử dụng hạn chế thửa đất theo quy định của Luật đất đai năm 2013.

1.4 Buộc bà Trần Thị Ú, ông Trần Văn P và ông Trần Văn L phải tháo dỡ hàng rào tạm trên phần đất mở lối đi.

1.5 Buộc ông Nguyễn Hồng V, bà Lê Thị Kim B, chị Nguyễn Kim T3, anh Nguyễn Quốc T2, anh Nguyễn Quốc Trí T4 và chị Nguyễn Kim T phải trả giá trị phần đất mở lối đi và giá trị cây trồng trên lối đi cho bà Trần Thị Ú số tiền là 8.748.000đ (Tám triệu bảy trăm bốn mươi tám nghìn đồng), trả cho ông Trần Văn P số tiền là 6.720.000đ (Sáu triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng) và trả cho ông Trần Văn L, bà Lê Thị H1 số tiền là 1.433.000đ (Một triệu bốn trăm ba mươi ba nghìn đồng). Ông Nguyễn Hồng V, bà Lê Thị Kim B, chị Nguyễn Kim T3, anh Nguyễn Quốc T2, anh Nguyễn Quốc Trí T4 và chị Nguyễn Kim T được quyền sở hữu cây trồng trên phần đất lối đi.

2. Về chi phí tố tụng:

- Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 2.200.000đ (Hai triệu hai trăm nghìn đồng). Buộc bà Trần Thị Ú, ông Trần Văn P, ông Trần Văn L và bà Lê Thị H1 phải chịu. Vì vậy, bà Trần Thị Ú phải nộp 1.100.000đ, ông Trần Văn P phải nộp 900.000đ, ông Trần Văn L và bà Lê Thị H1 phải nộp 200.000đ để hoàn trả lại cho ông Nguyễn Hồng V do ông Nguyễn Hồng V đã nộp tạm ứng trước.

3. Về án phí :

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc bà Trần Thị Ú, ông Trần Văn P mỗi người phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

- Buộc ông Trần Văn L và bà Lê Thị H1 phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

- Buộc chị Nguyễn Kim T3, anh Nguyễn Quốc T2, anh Nguyễn Quốc Trí T4 và chị Nguyễn Kim T phải nộp 563.000đ (Năm trăm sáu mươi ba nghìn đồng).

- Miễn án phí cho ông Nguyễn Hồng V và bà Lê Thị Kim B do ông Nguyễn Hồng V và bà Lê Thị Kim B là người cao tuổi.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự phúc thẩm cho ông Trần Văn P, Trần Văn L.

Buộc bà Trần Thị Ú nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Ú đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0008837 ngày 26/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm, bà Ú không phải nộp thêm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND CC tại TP HCM: 01b;
- VKS CC tại TP HCM: 01b;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long: 01b;
- CA.TAND TVL: 01b;
- Phòng KTNV&THA TAND TVL: 01b;
- TAND H Vũng Liêm: 01b;
- Chi cục THADS H Vũng Liêm: 01b;
- Mỗi đương sự: 01b;
- Lưu HS: 06b.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Trường

